

## Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật

### Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Yêu cầu về kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật:

#### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

##### **1.1. Giới thiệu chung về gói thầu**

1.1.1 Địa điểm thực hiện gói thầu: **Điểm Kho ĐK2.KV10. Địa chỉ: Thôn Khương Mỹ, xã Tam Xuân, thành phố Đà Nẵng.**

1.1.2 Hàng hóa thuộc gói thầu: **1.000 tấn gạo đủ tiêu chuẩn nhập kho dự trữ quốc gia.**

1.1.3 Thời gian thực hiện hợp đồng: **60 ngày, chậm nhất đến hết ngày 31/7/2026.**

1.1.4 Thời gian thực hiện gói thầu: **60 ngày, chậm nhất đến hết ngày 31/7/2026.**

##### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

###### **1.2.1. Loại gạo, xuất xứ, năm sản xuất**

- Gạo hạt dài, loại 15% tấm, được xay xát từ thóc thu hoạch vụ Đông Xuân năm 2026, có xuất xứ trong nước (tại khu vực Nam Bộ).

###### **1.2.2. Yêu cầu chung:**

- Gạo hạt dài, loại 15% tấm, được xay xát từ thóc thu hoạch vụ Đông Xuân năm 2026, có xuất xứ trong nước (tại khu vực Nam Bộ), đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định tại Mục 2.1 QCVN 06:2019/BTC ban hành kèm theo Thông tư số 78/2019/TT-BTC ngày 12/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với gạo DTQG.

- Được cơ quan hoặc tổ chức có chức năng kiểm tra và cấp chứng thư về tiêu chuẩn chất lượng, quy cách bao bì; giấy xác nhận đảm bảo đủ tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm theo yêu cầu của E-HSMT.

###### **1.2.3 Yêu cầu các chỉ tiêu chất lượng:**

a) Yêu cầu cảm quan:

- Màu sắc: Màu trắng, đặc trưng cho từng giống, từng loại gạo và không bị biến màu.

- Mùi, vị: Có mùi thơm đặc trưng của từng giống, từng loại gạo; không có mùi, vị lạ.

- Tạp chất: Không có tạp chất lạ.

- Đánh bóng: Sạch cám, bề mặt hạt gạo bóng.

- Sinh vật hại: Gạo nhập kho không bị nấm mốc, không có côn trùng sống và sinh vật hại nhìn thấy bằng mắt thường.

b) Các chỉ tiêu kỹ thuật:

b.1) Yêu cầu các chỉ tiêu chất lượng.

- Khối lượng tấm (% khối lượng): không lớn hơn 15%.

- Tỷ lệ hạt theo chiều dài (% khối lượng): *Tỷ lệ hạt ngắn ( $L < 6,0 \text{ mm}$ )* < 30%

- Thành phần của hạt:

+ Hạt nguyên  $\geq 50\%$

+ Tấm:

. Kích thước (mm): (0,35 – 0,65) L

. Tấm  $\leq 15 \%$

- . Tầm nhỏ  $\leq 0,5\%$
- Các loại hạt (% khối lượng)
  - + Hạt đỏ + hạt sọc đỏ + hạt xay xát dối không lớn hơn 5%.
  - + Hạt vàng không lớn hơn 0,5%.
  - + Hạt bị hư hỏng không lớn hơn 1,5%.
  - + Hạt gạo nếp không lớn hơn 2,0%.
  - + Hạt xanh non không lớn hơn 0,3%.
- Hạt bạc phần (% khối lượng): Không lớn hơn 7%
- Tạp chất (% khối lượng): Không lớn hơn 0,2%
- Thóc lẫn: Số lượng không lớn hơn 7 hạt/kg
- Độ ẩm (% khối lượng): Không lớn hơn 14%
- Mức xát: Kỹ

b.2) Yêu cầu an toàn thực phẩm.

- Dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật cho phép:
  - + Azoxystrobin  $\leq 5$  mg/kg
  - + Carbaryl  $\leq 1$  mg/kg
  - + Chlorpyrifos – Methyl  $\leq 0,1$  mg/kg
  - + Chlorantraniliprole  $\leq 0,4$  mg/kg
  - + Clothianidin  $\leq 0,5$  mg/kg
  - + Cyhalothrin (bao gồm lambda-Cyhalothrin)  $\leq 1$  mg/kg
  - + Cypermethrins (bao gồm alpha và beta – Cypermethrin)  $\leq 2$  mg/kg
  - + Diflubenzuron  $\leq 0,01$  mg/kg
  - + Dinotefuran  $\leq 8$  mg/kg
  - + Etofenprox  $\leq 0,01$  mg/kg
  - + Fenthion  $\leq 0,05$  mg/kg
  - + Imazapic  $\leq 0,05$  mg/kg
  - + Iprodione  $\leq 10$  mg/kg
  - + Mesotrione  $\leq 0,01$  mg/kg
  - + Tebuconazole  $\leq 1,5$  mg/kg
  - + Tebufenozide  $\leq 0,1$  mg/kg
  - + Thiacloprid  $\leq 0,02$  mg/kg
  - + Trifloxystrobin  $\leq 5$  mg/kg
- Giới hạn tối đa hàm lượng kim loại nặng cho phép:
  - + Hàm lượng cadimi  $\leq 0,4$ mg/kg
  - + Hàm lượng asen  $\leq 1,0$ mg/kg
  - + Hàm lượng chì  $\leq 0,2$  mg/kg
- Giới hạn tối đa độc tố vi nấm cho phép
  - + Hàm lượng aflatoxin B<sub>1</sub>  $\leq 5$   $\mu$ g/kg
  - + Hàm lượng aflatoxin tổng số  $\leq 10$   $\mu$ g/kg

c) Quy cách và tiêu chuẩn chất lượng bao bì đóng gói:

Gạo dự trữ quốc gia được đóng tịnh 50 kg/bao. Bao chứa gạo được dệt từ loại sợi Polypropylen (PP) màu trắng, đầu bao được may bằng hai đường chỉ trắng. Bao chứa

gạo phải mới, bền chắc, khô sạch không mốc, không nhiễm sâu, mọt, hóa chất, không có mùi lạ; khối lượng một vỏ bao ( $120 \pm 10$ ) g.

#### **1.2.4. Về Giấy xác nhận chất lượng (Chứng thư giám định):**

Gạo khi nhập kho DTQG phải có Giấy xác nhận đảm bảo đủ tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với gạo theo quy định tại Mục 5.2.1 QCVN 06:2019/BTC. Cụ thể như sau:

- Giấy xác nhận chất lượng do các tổ chức giám định có đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực giám định, được bộ, ngành cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định mặt hàng gạo, ngũ cốc và thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận còn hiệu lực pháp lý theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính Phủ “Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật”.

- Nội dung chứng thư giám định bao gồm đầy đủ các nội dung quy định tại QCVN 06:2019/BTC và hợp đồng với khách hàng cung cấp gạo như: Loại gạo, xuất xứ, thời vụ năm sản xuất, quy cách bao bì đóng gói, khối lượng lô gạo, chất lượng gạo (gồm chỉ tiêu cảm quan, chỉ tiêu chất lượng và an toàn thực phẩm).

- Một chứng thư giám định chất lượng áp dụng cho một lô gạo có khối lượng không vượt quá 1.500 tấn. Thời gian giám định chất lượng và cấp chứng thư giám định chất lượng thực hiện sau khi hợp đồng mua bán được ký kết. Khi lô gạo chuyển đến nhập kho, phải kèm theo chứng thư giám định chất lượng.

**Mục 2. Bản vẽ:** Không có bản vẽ.

#### **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Gạo nhập kho dự trữ phải được cơ quan, tổ chức có chức năng kiểm tra, xác nhận và cấp chứng thư về loại gạo, xuất xứ, thời vụ năm sản xuất, quy cách bao bì đóng gói, khối lượng lô gạo, chất lượng gạo gồm chỉ tiêu cảm quan, chỉ tiêu chất lượng và an toàn thực phẩm.

Gạo nhập kho dự trữ phải được kiểm tra theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với gạo dự trữ quốc gia được ban hành tại Thông tư số 78/2019/TT-BTC ngày 12/11/2019 của Bộ Tài chính.

#### **Mục 4. Các yêu cầu khác**

Về phương thức thanh toán: Thực hiện theo quy định tại E-ĐKC 14.2 chương VII E-HSMT.

Nhà thầu đề xuất về kỹ thuật theo mẫu đính kèm Chương V, E-HSMT.

## **Mẫu** **ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT**

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà thầu: ...

Địa chỉ: ...

Nếu được lựa chọn là nhà thầu trúng thầu gói thầu: ....., chúng tôi cam kết cung cấp đủ số lượng đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu về kỹ thuật như sau:

### **1. Số lượng gạo, địa điểm:**

- Số lượng gạo: .... tấn.

- Địa điểm:.....

### **2. Về tiến độ cung cấp:**

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Tối đa ... ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, đồng thời đảm bảo hoàn thành nhập gạo vào kho dự trữ quốc gia tối đa đến hết ngày .....

- Thời gian thực hiện gói thầu: Tối đa ... ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, đồng thời đảm bảo hoàn thành nhập gạo vào kho dự trữ quốc gia tối đa đến hết ngày .....

### **3. Về tiêu chuẩn chất lượng gạo cung cấp:**

3.1. Loại gạo, xuất xứ, năm sản xuất: .....

3.2. Yêu cầu cảm quan: .....

3.3. Yêu cầu các chỉ tiêu chất lượng: .....

3.4. Yêu cầu an toàn thực phẩm: .....

3.5. Bao bì đóng gói: .....

3.6 Về Giấy xác nhận chất lượng (Chứng thư giám định): .....

*(Nhà thầu nghiên cứu để đề xuất đầy đủ các chỉ tiêu kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT và theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với gạo được ban hành theo Thông tư số 78/2019/TT-BTC ngày 12/11/2019 của Bộ Tài chính).*

Chúng tôi cam kết chịu mọi trách nhiệm nếu cung cấp gạo không đáp ứng các nội dung đã đề xuất nêu trên.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)*